**Tuần 8: *Ngày soạn: 24/10/2024***

**BÀI 3: HỒN NƯỚC NẰM TRONG TIẾNG MẸ CHA**

**Tiết 29,30: VĂN BẢN 2: LỤC VÂN TIÊN ĐÁNH CƯỚP, CỨU KIỀU NGUYỆT NGA**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Xác định được vị trí của đoạn trích trong tác phẩm cũng như bố cục của đoạn trích, nhận biết được lời đối thoại của các nhân vật.

- Phân tích các chi tiết (ngoại hình, lời nói, cử chỉ, hành động,...), từ đó khái quát được đặc điểm của nhân vật, chủ để của đoạn trích.

- Kết nối VB với thực tế đời sống, từ đó bồi đắp cảm xúc thẩm mĩ và quan niệm sống đúng đắn, cao đẹp.

**2. Năng lực**

***a. Năng lực chung***

*- Năng lực giao tiếp và hợp tác:* khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.

*- Năng lực tự chủ và tự học:* biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.

*- Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

***b. Năng lực đặc thù***

- Xác định được vị trí của đoạn trích trong tác phẩm cũng như bố cục của đoạn trích, nhận biết được lời đối thoại của các nhân vật.

- Phân tích các chi tiết (ngoại hình, lời nói, cử chỉ, hành động,...), từ đó khái quát được đặc điểm của nhân vật, chủ để của đoạn trích.

- Kết nối VB với thực tế đời sống, từ đó bồi đắp cảm xúc thẩm mĩ và quan niệm sống đúng đắn, cao đẹp.

**3. Phẩm chất**

Tự hào, trân trọng những di sản văn hoá, văn học của dân tộc.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên**

- Giáo án; SGK, SGV Ngữ văn 9; máy tính, tivi;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi; tranh ảnh về tác giả, tác phẩm;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho HS hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho HS ở nhà;

**2. Đối với học sinh**

- SGK, SBT Ngữ văn 9; sách tham khảo, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học…

- Bảng giao nhiệm vụ học tập đã chuẩn bị ở nhà.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**

**1. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, huy động tri thức nền, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập tạo tâm thế tích cực cho HS khi vào bài học.

**2. Nội dung:** GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm đôi *Think – Pair – Share* chia sẻ về nhân vật anh hùng mà em yêu thích.

**3. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi *Think – Pair – Share*: *Nhân vật anh hùng mà em yêu thích là ai? Vì sao em yêu thích nhân vật đó?*

- HS huy động tri thức nền, trải nghiệm cá nhân thực hiện yêu cầu được giao.

- GV quan sát, hỗ trợ HS thực hiện (nếu cần thiết).

- GV mời đại diện 1 - 2 HS trình bày trước lớp.

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, đặt câu hỏi (nếu có).

- GV nhận xét, đánh giá.

- Gợi mở: *Ví dụ về nhân vật anh hùng tiêu biểu trong văn học và lịch sử Việt Nam: hai bà Trưng, Thánh Gióng, Thạch Sanh, Trần Hưng Đạo, Quang Trung, bà Triệu,…*

- GV dẫn dắt vào bài học mới: *Nhân vật người anh hùng trong các tác phẩm nghệ thuật đều được xây dựng với hình tượng anh dũng, ngay thẳng và cương trực. Họ là người vừa có nét đẹp hùng tráng, dũng mãnh về sức mạnh, tài hoa về trí tuệ lại vừa có một tâm hồn bao dung vị tha và cao đẹp. Họ luôn là minh chứng, là nơi kí thác những khát vọng của người dân về mong ước cái thiện sẽ luôn chiến thắng cái xấu xa, cái xảo trá bất lương luôn nhận cái báo ứng và ngược lại những người sống hiền lành, ngay thẳng sẽ có được cuộc sống viên mãn hạnh phúc. Trong bài học hôm nay, chúng ta sẽ cùng đi tìm hiểu văn bản* ***Lục Vân Tiên đánh cướp, cứu Kiều Nguyệt Nga*** *của tác giả Nguyễn Đình Chiểu để hiểu hơn về hình tượng người anh hùng này nhé!*

**HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**I. TÌM HIỂU CHUNG VỀ VĂN BẢN**

**1. Mục tiêu:** Đọc văn bản và thực hiện một số kĩ thuật đọc thông qua việc trả lời một số câu hỏi trong khi đọc.

**2. Nội dung:** HS sử dụng SGK, quan sát, chắt lọc kiến thức trả lời những câu hỏi liên quan đến bài học.

**3. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **SẢN PHẨM CẦN ĐẠT** |
| - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, thực hiện yêu cầu dưới đây:  + *GV đọc mẫu một đoạn ngắn, HS lắng nghe.*  *+ GV hướng dẫn cách đọc và cho HS đọc trực tiếp văn bản, lưu ý cách ngắt nhịp, tốc độ, âm lượng đọc phù hợp.*  *+ GV hướng dẫn HS theo dõi chiến lược đọc được nêu ở các thẻ chiến lược đọc bên phải văn bản để chú ý và ghi nhớ những chi tiết, từ ngữ chỉ cảm xúc quan trọng.*  **+** *Trình bày những hiểu biết chung về tác giả Nguyễn Đình Chiểu, tác phẩm “Truyện Lục Vân Tiên” và xuất xứ đoạn trích “Lục Vân Tiên đánh cướp, cứu Kiều Nguyệt Nga”.*  - HS thảo luận theo nhóm, vận dụng kiến thức đã học để thực hiện nhiệm vụ.  - GV quan sát, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).  - GV mời đại diện 1 - 2 HS mỗi nhóm trình bày sản phẩm.  - GV yêu cầu HS khác lắng nghe, nhận xét, đặt câu hỏi (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  - GV chuyển sang nội dung mới. | **I. ĐỌC – TÌM HIỂU CHUNG**  **1. Đọc**  - Cách đọc: cần thể hiện được sự mạnh mẽ, giọng đanh thép của Lục Vân Tiên khi đối mặt với toán cướp, sự nhẹ nhàng, dịu dàng của Kiều Nguyệt Nga khi trò chuyện.  **2. Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm**  **a. Tác giả**  - Nguyễn Đình Chiểu (1822-1888) quê gốc ở tỉnh Thừa Thiên (nay là Thừa Thiên Huế) nhưng được sinh ra ở quê mẹ là phủ Tân Bình, tỉnh Gia Định (nay thuộc Thành phố Hồ Chí Minh).  - Ông đỗ tú tài năm 1843, năm 1849 ra Huế chuẩn bị thi tiếp thì mẹ mất, phải về Gia Định chịu tang. Trên đường về, Nguyễn Đình Chiểu ốm nặng, bị mù cả hai mắt.  - Ở quê mẹ, ông dạy học và bốc thuốc. Khi thực dân Pháp xâm lược nước ta, Nguyễn Đình Chiểu đã tham gia phong trào kháng chiến chống giặc. Ông là tấm gương mẫu mực về nghị lực sống phi thường, khí tiết thanh cao và lòng yêu nước tha thiết, mãnh liệt.  - Nguyễn Đình Chiểu để lại một di sản văn chương quý giá, gồm các tác phẩm truyện thơ Nôm: *Truyện Lục Vân Tiên, Dương Từ - Hà Mậu, Ngư Tiều y thuật vấn đáp*; một số bài văn tế và thơ Đường luật.  - Năm 2021, Nguyễn Đình Chiểu được UNESCO ra nghị quyết vinh danh và kỉ niệm 200 năm ngày sinh của ông.  **b. Tác phẩm *Truyện Lục Vân Tiên***  - *Truyện Lục Vân Tiên* là một tác phẩm truyện thơ Nôm của Nguyễn Đình Chiểu được sáng tác theo thể lục bát vào đầu những năm 50 của thế kỷ 19.  - *Truyện Lục Vân Tiên* ngợi ca những con người hiếu thảo, nhân hậu, thuỷ chung, nghĩa khí; lên án những kẻ phi nghĩa, bất nhân; thể hiện khát vọng công lí và ước mơ của nhân dân về mẫu người anh hùng “cứu khốn, phò nguy”. Tác phẩm cũng kết tinh nhiều thành tựu nghệ thuật: xây dựng được nhiều nhân vật có tính cách rõ nét, sinh động; ngôn ngữ mộc mạc, gần gũi với lời ăn tiếng nói của nhân dân; kết hợp tính cổ điển, bác học với chất dân gian và đậm đà màu sắc Nam Bộ.  **c. Đoạn trích *Lục Vân Tiên đánh cướp, cứu Kiều Nguyệt Nga***  - Nằm ở phần đầu của tác phẩm *Truyện Lục Vân Tiên,* từ câu 123 đến câu 180, kể lại sự việc Lục Vân Tiên đánh cướp, cứu được Kiều Nguyệt Nga. |

**II. KHÁM PHÁ VĂN BẢN**

**1. Mục tiêu:**

- Xác định được bố cục của đoạn trích, nhận biết được lời đối thoại của các nhân vật.

- Phân tích các chi tiết (ngoại hình, lời nói, cử chỉ, hành động,...), từ đó khái quát được đặc điểm của nhân vật, chủ để của đoạn trích.

- Kết nối VB với thực tế đời sống, từ đó bồi đắp cảm xúc thẩm mĩ và quan niệm sống đúng đắn, cao đẹp.

**2. Nội dung:** Sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời các câu hỏi liên quan đến văn bản *Lục Vân Tiên đánh cướp, cứu Kiều Nguyệt Nga.*

**3. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **SẢN PHẨM CẦN ĐẠT** |
| - GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi Think – Pair – Share, thực hiện yêu cầu sau:  + *Xác định bố cục của bài thơ và nêu nội dung chính của từng phần.*  + *Hãy chỉ ra đâu là lời người kể chuyện, đâu là lời đối thoại của các nhân vật trong đoạn trích.*  *+ Xác định sự việc được kể và hệ thống nhân vật trong đoạn trích.*  - HS vận dụng kiến thức đã học và trả lời câu hỏi.  - GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).  - GV mời đại diện 1 – 2 HS mỗi nhóm trình bày kết quả.  - Các nhóm khác lắng nghe, đặt câu hỏi (nếu có).  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **-** GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, trả lời câu hỏi dựa vào hiểu biết của bản thân: *Em đã biết gì về lai lịch của nhân vật Lục Vân Tiên?*  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm nhỏ gồm 4 HS theo kĩ thuật *Khăn trải bàn* với vị trí ngồi như hình vẽ dưới đây:    - GV yêu cầu HS hoàn thành những nhiệm vụ sau:  + *Hoàn thành Phiếu học tập số 1 phân tích hình tượng nhân vật Lục Vân Tiên khi đánh cướp cứu người trong mười bốn câu đầu.*  *+ Hoàn thành Phiếu học tập số 2 phân tích hình tượng nhân vật Lục Vân Tiên trong cách ứng xử với Kiều Nguyệt Nga.*  *+ Câu nói nào của Lục Vân Tiên đã thể hiện quan niệm của nhân vật về người anh hùng?*  - HS vận dụng kiến thức đã học và trả lời câu hỏi.  - GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).  - GV mời 1 – 2 HS trình bày kết quả.  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **II. KHÁM PHÁ VĂN BẢN**  **1. Bố cục, hệ thống nhân vật và lời thoại trong đoạn trích *Lục Vân Tiên đánh cướp, cứu Kiều Nguyệt Nga***  **a. Bố cục**  - Mười bốn dòng thơ đầu (từ *Vân Tiên ghé lại bên đàng* đến *Bị Tiên một gậy thác rày thân vong*): Lục Vân Tiên ra tay trừng trị bọn cướp, cứu người gặp nạn.  - Hai mươi tư dòng thơ tiếp (từ *Dẹp rồi lũ kiến chòm ong* đến *Lấy chỉ cho phỉ tấm lòng cùng ngươi*): Lục Vân Tiên hỏi han, an ủi Kiểu Nguyệt Nga.  - Sáu dòng thơ cuối: Lục Vân Tiên bày tỏ quan niệm sống và quan niệm về người anh hùng.  **b. Lời thoại**  - Lời người kể chuyện:  + *“Vân Tiên ghé lại bên đàng/ Bẻ cây làm gậy nhắm làng xông vô”.*  *+ “Kêu rằng”.*  *+ “Phong Lai mặt đỏ phừng phừng”.*  *+ “Vân Tiên tả đột hữu xung/…chòm ong”.*  *+ “Hỏi”, “Thưa rằng”.*  *+ “Vân Tiên nghe nói liền cười”.*  - Lời đối thoại:  + Lục vân Tiên nói với Phong Lai: *““Bớ đảng hung đồ/ Chớ quen làm thói hồ đồ hại dân”.*  *+* Phong Lai nói: *“Thằng nào dám tới lẫy lừng vào đây?/ Trước gây việc dữ tại mầy,/ Truyền quân bốn phía phủ vây bị bùng”.*  + Lục Vân Tiên nói với Kiều Nguyệt Nga: *“Ai than khóc trong xe này?, “Làm ơn há dễ trông người trả ơn/…Làm người thế ấy cũng phi anh hùng”.*  + Kiều Nguyệt Nga nói với Lục Vân Tiên: *“Tôi Kiều Nguyệt Nga,/…Lấy chi cho phỉ tấm lòng cùng ngươi”.*  **c. Sự việc được kể và hệ thống nhân vật trong đoạn trích.**  - Hệ thống nhân vật:  + Lục Vân Tiên: người anh hùng đánh cướp  + Phong Lai và bè lũ: bọn cướp.  + Kiều Nguyệt Nga, thị nữ Kim Liên: người  gặp nạn, được Lục Vân Tiên cứu giúp.  => Đoạn trích tái hiện mô-típ anh hùng tiêu diệt kẻ cướp cứu mĩ nhân.  - Sự việc được kể: Lục Vân Tiên trừng trị bọn cướp, cứu Kiều Nguyệt Nga.  **2. Hình tượng nhân vật Lục Vân Tiên**  **a. Giới thiệu về nhân vật Lục Vân Tiên**  - Là con trai của một gia đình nông dân ở huyện Đông Thành, khôi ngô tuấn tú, tài kiêm văn võ.  - Nghe tin triều đình mở khoa thi, Vân Tiên từ giã thầy xuống núi đua tài, giữa đường chàng đã đánh tan bọn cướp Phong Lai, cứu được Kiều Nguyệt Nga.  **b. Lục Vân Tiên khi đánh cướp cứu người**  - Lí do khiến Lục Vân Tiên quyết định ra tay trừng trị bọn cướp được thể hiện rõ qua lời nhân vật: *Kêu rằng:* “*Bớ đảng hung đồ/ Chớ quen làm thói hồ đồ hại dân*”.  => Đó là sự phẫn nộ trước hành động ngang ngược, bất lương của bọn cướp, nỗi xót thương cho những người dân lành bị ức hiếp. Đó còn là tinh thần nghĩa hiệp, không thể thờ ơ trước sự bất công, ngang trái.  - Từ ngữ, hình ảnh biểu hiện tính cách nhân vật:  + Khi Lục Vân Tiên quyết định trừng trị bọn cướp: cử chỉ dứt khoát, hành động mạnh mẽ, quyết đoán, không chút ngập ngừng (ghé lại, bẻ cây, xông vô) mặc dù chỉ là việc “giữa đường” và biết rõ bọn cướp đông đúc, hung hãn, tàn ác như thế nào.  + Khi Lục Vân Tiên tung hoành giữa vòng vây, đánh tan bọn cướp: *tả đột hữu xông, bị Tiên một gậy....* : thể hiện lòng quả cảm và võ nghệ cao cường.  **-** Thái độ, tình cảm của người kể chuyệnđược thể hiện qua cách kể, cách miêu tả sự việc và nhân vật. Ta thấy được tình cảm yêu mến, trân trọng của người kể chuyện. Qua lời kể, Lục Vân Tiên hiện lên với vẻ đẹp của người anh hùng quả cảm, nghĩa hiệp, sẵn sàng cứu giúp, bảo vệ dân lành.  **c. Lục Vân Tiên ứng xử với Kiều Nguyệt Nga.**  - Sau khi đánh cướp, Lục Vân Tiên ân cần hỏi han người gặp nạn: Hỏi: “Ai than khóc ở trong xe nấy?”. => Tính cách tận tâm, chu đáo.  - Trước lời tri ân và mong muốn báo đáp ơn nghĩa của Kiều Nguyệt Nga, Lục Vân Tiên chỉ cười và từ chối: “*Làm ơn há dễ trông người trả ơn”*. Với chàng, làm việc nghĩa là bổn phận, trách nhiệm của người anh hùng: *“Nhớ câu kiến nghĩa bất vi/ Làm người thế ấy cũng phi anh hùng”.* => Tính cách hào hiệp, không vụ lợi.  **d. Quan niệm về người anh hùng**  - Sáu dòng thơ cuối thể hiện rất rõ quan niệm về người anh hùng của nhân vật Lục Vân Tiên:  + Cứu giúp, làm ơn cho người khác mà không màng tới sự báo đáp (*Làm ơn há dễ trông người trả ơn,/ Nào ai tính thiệt so hơn làm gì*).  + Coi việc nghĩa là bồn phận, trách nhiệm của người anh hùng (*Nhớ câu kiến nghĩa bất vi/ Làm người thế ấy cũng phi anh hùng*). |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1** | |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **LỤC VÂN TIÊN ỨNG XỬ VỚI KIỀU NGUYỆT NGA**  **1. Hành động, lời nói**   |  |  | | --- | --- | | **Sau khi đánh tan bọn cướp** | **Khi Kiều Nguyệt Nga muốn đền ơn** | |  |  |   **2. Từ ngữ, hình ảnh biểu hiện tính cách nhân vật**  ………………………………………………………………………………  ………………………………………………………………………………  **3. Tâm sự, thông điệp của Nguyễn Đình Chiểu**  …………………………………………………...  …………………………………………………...  …………………………………………………...  …………………………………………………...  …………………………………………………... | | |
| - GV giới thiệu về nhân vật Kiều Nguyệt Nga: *Kiều Nguyệt Nga là con gái tri phủ Hà Khê. Càng lớn nàng càng xinh đẹp khiến cho bao vương tôn công tử đem lòng yêu mến và mong muốn cùng nàng kết nghĩa phu thê.*  - GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm đôi Think – Pair – Share: *Hoàn thành Phiếu học tập số 3 về hình tượng nhân vật Kiều Nguyệt Nga.*  - HS vận dụng kiến thức đã học và trả lời câu hỏi.  - GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).  - GV mời 1 – 2 HS trình bày kết quả.  - GV yêu cầu HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  - GV chuyển sang nội dung mới. | **3. Hình tượng nhân vật Kiều Nguyệt Nga**  **a. Hoàn cảnh xuất hiện**  Cha nàng vì muốn con được sống trong giàu sang phú quý nên đã ép nàng lấy một người mà nàng chưa hề biết mặt. Vâng mệnh đấng sinh thành, Nguyệt Nga cùng cô hầu đến nơi cha làm việc. Giữa đường, nàng gặp toán cướp Phong Lai uy hiếp. May thay, Lục Vân Tiên vừa đi tới đã ra tay cứu giúp. Nàng đem lòng mến thương chàng từ đó.  **b. Từ ngữ, hình ảnh khắc họa**  - Nhân vật Kiểu Nguyệt Nga được xây dựng trong sự sóng đôi với Lục Vân Tiên: *trai anh hùng – gái thuyền quyên.*  - Nhân vật xuất hiện chủ yếu qua ngôn ngữ đối thoại. Kiểu Nguyệt Nga không lộ diện trực tiếp, chỉ dùng lời nói để bày tỏ suy nghĩ, tình cảm, quan niệm của mình.  - Lối xưng hô (*quân tử, chàng – thiếp*) và lời nói khiêm nhường, lễ phép, thể hiện thái độ trân trọng ân nhân: *Thưa rằng... Xin cho tiện thiếp... Xin theo cùng thiếp...*  - Chi tiết xin được lạy tạ ơn cứu mạng và thiết tha mời Lục Vân Tiên đến nơi cha mình đang làm quan để báo đến ân nghĩa.  **c. Phẩm chất, tính cách**  Nhân vật Kiểu Nguyệt Nga thể hiện quan niệm của Nguyễn Đình Chiểu về mẫu hình người phụ nữ lí tưởng: hiền hậu, nết na, khiêm nhường, trọng tình nghĩa. |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3** | |
| - GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân: *Tổng kết nội dung và nghệ thuật (nghệ thuật xây dựng nhân vật và nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ) của văn bản “Lục Vân Tiên đánh cướp, cứu Kiều Nguyệt Nga”.*  - HS vận dụng kiến thức đã học và trả lời câu hỏi.  - GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).  - GV mời 1 – 2 HS trình bày kết quả.  - GV yêu cầu HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  - GV chuyển sang nội dung mới. | **III. TỔNG KẾT**  **11. Nội dung**  - Ca ngợi người anh hùng trí dũng song toàn, diệt bạo trừ gian, bảo vệ cuộc sống yên bình cho nhân dân.  - Ca ngợi lối sống trọng ân nghĩa.  - Thể hiện khát vọng công lí, ước mơ về mẫu anh hùng “cứu khốn, phò nguy".  **22. Nghệ thuật**  - Nghệ thuật xây dựng nhân vật: tập trung khắc hoạ con người ngoại hiện, quan tâm đến ngôn ngữ đối thoại của nhân vật.  - Nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ: đậm chất Nam Bộ (*đàng, xông vô, bức thơ, hay vây,...*), mộc mạc, bình dị, gần gũi; sử dụng từ Hán Việt và điển tích, điển cố khá nhuần nhuyễn. |

**HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP**

**1. Mục tiêu:** HS củng cố, mở rộng kiến thức đã học về văn bản *Lục Vân Tiên đánh cướp, cứu Kiều Nguyệt Nga.*

**2. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để trả lời các câu hỏi liên quan đến văn bản *Lục Vân Tiên đánh cướp, cứu Kiều Nguyệt Nga.*

**3. Tổ chức thực hiện**

***Nhiệm vụ 1: Trả lời câu hỏi trắc nghiệm***

- GV trình chiếu câu hỏi cho HS thực hiện nhanh tại lớp.

**Câu 1: Trong những dòng thơ dưới đây, đâu là lời của người kể chuyện?**

A. Ai than khóc ở trong xe nầy?

B. Xin theo cùng thiếp đền ân cho chàng.

C. Làm ơn há dễ trông người trả ơn.

D. Vân Tiên tả đột hữu xông.

**Câu 2: Trong những dòng thơ dưới đây, đâu là lời của nhân vật?**

A. Lâu la bốn phía vỡ tan.

B. Cha làm chi phủ ở miền Hà Khê.

C. Dẹp rồi lũ kiến chòm ong.

D. Vân Tiên nghe nói liền cười.

**Câu 3: Vì sao Lục Vân Tiên quyết định ra tay để trừng trị bọn cướp?**

A. Vì Lục Vân Tiên là người thấy việc bất bình, hại đến dân là ra tay nghĩa hiệp.

B. Vì Lục Vân Tiên muốn có nhiều công trạng để được làm quan.

C. Vì Lục Vân Tiên mến mộ Kiều Nguyệt Nga đã lâu, muốn lấy cớ làm quen.

D. Vì Lục Vân Tiên thích giao tranh để luyện võ.

**Câu 4: Chi tiết như “bẻ cây làm gậy” và “nhắm làng xông vô” thể hiện điều gì?**

A. Thể hiện sự vội vàng, hấp tấp.

B. Thể hiện sự hiếu thắng, nóng nảy.

C. Dứt khoát, nhanh nhẹn, thể hiện sự nóng lòng cứu người của chàng.

D. Sự nóng lòng cứu người nhưng hấp tấp, vội vàng.

**Câu 5: Cảnh đánh cướp của Lục Vân Tiên được mô tả qua cặp câu lục bát nào dưới đây?**

A. Vân Tiên mặt đỏ phừng phừng

Thằng nào dám tới lẫy lừng vào đây?

B. Vân Tiên tả đột hữu xông

Khác nào Triệu Tử phá vòng Đương Dang.

C. Lâm nguy chẳng gặp giải nguy

Tiết trăm năm cũng bỏ đi một hồi.

D. Nhớ câu kiến nghĩa bất vi

Làm người thế ấy cũng phi anh hùng.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ học tập.

- GV quan sát, hỗ trợ HS thực hiện (nếu cần thiết).

- GV mời đại diện 2 – 3 HS đọc đáp án trước lớp theo Phiếu bài tập.

- GV mời một số HS khác đọc đáp án khác (nếu có).

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn đáp án:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. D | 2. B | 3. A | 4. C | 5. B |

- GV chuyển sang nhiệm vụ mới.

***Nhiệm vụ 2: Luyện tập theo văn bản***

- GV hướng dẫn làm bài vào vở, cho HS luyện tập theo những nhiệm vụ cụ thể sau: *Viết đoạn văn (khoảng 7 – 9 câu) phân tích nét tính cách mà em yêu thích ở một nhân vật trong đoạn trích.*

- HS vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành bài luyện tập vào vở.

- GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

- GV mời đại diện một số HS trình bày trước lớp.

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

- GV chốt kiến thức và gợi mở:

*\* Một số câu hỏi gợi ý: Em yêu thích nhân vật nào? Nét tính cách nào ở nhân vật gây ấn tượng mạnh nhất với em? Vì sao?*

*\* Dàn ý tham khảo:*

*+ Mở đoạn: giới thiệu ngắn gọn nhân vật mà em yêu thích trong đoạn trích.*

*+ Thân đoạn: tập trung phân tích nét tính cách gây ấn tượng nhất ở nhân vật (đó là nét tính cách gì, được thể hiện qua những chi tiết nào, cách miêu tả có gì đặc sắc,...).*

*+ Kết đoạn: nhấn mạnh ý nghĩa của nét tính cách đó trong việc khắc hoạ hình tượng nhân vật và thể hiện chủ đề của tác phẩm.*

**-** GV chuyển sang nhiệm vụ mới.

**HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**

**1. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức để giải quyết tình huống trong học tập và trong thực tiễn.

**2. Nội dung:** GV hướng dẫn HS làm bài tập vận dụng.

**3. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS lập nhóm (8 HS/ nhóm) diễn lại tình huống trong văn bản *Lục Vân Tiên đánh cướp, cứu Kiều Nguyệt Nga* (thực hiện ở nhà).

*-* Quay video, có thể sáng tạo bối cảnh, lồng ghép âm thanh, hiệu ứng (tùy vào khả năng sáng tạo của HS).

- HS tiếp nhận nhiệm vụ học tập.

- GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

- HS nộp sản phẩm qua zalo.

- Cả lớp sẽ xem sản phẩm của các nhóm và bình chọn sản phẩm hay nhất, sáng tạo nhất.

- GV nhận xét, trao thưởng cho nhóm có sản phẩm hay nhất trong buổi học tiếp theo.

**HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ:**

- Ôn tập kiến thức đã học về văn bản *Lục Vân Tiên đánh cướp, cứu Kiều Nguyệt Nga.*

*-* Hoàn thành bài tập Luyện tập, Vận dụng (nếu chưa xong).

- Chuẩn bị thực hành tiếng Việt – *Chữ quốc ngữ.*

**Tuần 8: *Ngày soạn: 3/11/2024***

**BÀI 3: TIẾT 31: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: CHỮ QUỐC NGỮ**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Có hiểu biết sơ giản về quá trình hình thành, phát triển của chữ quốc ngữ và vai trò của hệ thống chữ viết này trong đời sống văn hoá, kinh tế, xã hội của đất nước.

- Vận dụng những hiểu biết về chữ quốc ngữ vào việc khắc phục lỗi chính tả.

**2. Năng lực**

***a. Năng lực chung***

*- Năng lực giao tiếp và hợp tác:* khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.

*- Năng lực tự chủ và tự học:* biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.

*- Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

***b. Năng lực đặc thù***

- Có hiểu biết sơ giản về quá trình hình thành, phát triển của chữ quốc ngữ và vai trò của hệ thống chữ viết này trong đời sống văn hoá, kinh tế, xã hội của đất nước.

- Vận dụng những hiểu biết về chữ quốc ngữ vào việc khắc phục lỗi chính tả.

**3. Phẩm chất**

- Tự hào và có ý thức trân trọng, gìn giữ vẻ đẹp của tiếng Việt.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên**

- Giáo án;

- SGK, SGV Ngữ văn 9;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho HS hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho HS ở nhà;

**2. Đối với học sinh**

- SGK, SBT Ngữ văn 9.

- Sách tham khảo, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học…

- Bảng giao nhiệm vụ học tập đã chuẩn bị ở nhà.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**

**1. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, huy động tri thức nền, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập tạo tâm thế tích cực cho HS khi vào bài học.

**2. Tổ chức thực hiện:**

- GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm đôi Think – Pair – Share, xem video âm nhạc *Thương ca tiếng Việt* – Mỹ Tâm và nêu cảm nghĩ: *Em có suy nghĩ gì về ý nghĩa của tiếng Việt đối với dân tộc Việt Nam?*

- Link video: <https://www.youtube.com/watch?v=S1aD9Bn5L0U> (0:00 – 4:20)

- HS huy động tri thức nền, trải nghiệm cá nhân thực hiện yêu cầu được giao.

- GV quan sát, hỗ trợ HS thực hiện (nếu cần thiết).

- GV mời đại diện 1 – 2 HS trình bày kết quả.

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, đặt câu hỏi (nếu có).

- GV nhận xét, đánh giá.

- Gợi mở: *Ngôn ngữ là công cụ của tư duy, của giao tiếp, ngôn ngữ đồng thời là công cụ để truyền tải cả một nền văn hóa, một tinh thần dân tộc. Câu nói “Tiếng Việt còn, nước Nam còn” luôn văng vẳng bên ta, khẳng định vai trò vô cùng quan trọng của ngôn ngữ dân tộc. Tiếng Việt đã góp phần tạo nên bản sắc Việt Nam trong suốt quá hình thành và phát triển dân tộc, là nhân tố, là chìa khóa tạo nên sự thống nhất, hòa hợp, đoàn kết trong đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước Việt Nam, tiếng nói Việt Nam luôn là niềm tự hào vang lên trên các diễn đàn, trên trường quốc tế.*

- GV dẫn dắt vào bài học mới: *Trong bài học ngày hôm nay chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu về* ***chữ quốc ngữ*** *để hiểu hơn về thứ ngôn ngữ làm nên hồn cốt dân tộc và có ý thức hơn về sứ mệnh bảo tồn, duy trì và phát triển tiếng nói dân tộc nhé!*

**HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**1. Mục tiêu:** Nhận biết được đặc điểm và vài trò của chữ quốc ngữ.

**2. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **SẢN PHẨM CẦN ĐẠT** |
| **Nhiệm vụ: Tìm hiểu tri thức Ngữ văn**  - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, dựa vào phần Tri thức Ngữ văn trong SGK, trả lời câu hỏi:  + *Chữ quốc ngữ có những đặc điểm cấu tạo gì?*  *+ Trình bày quá trình phát triển của chữ quốc Ngữ.*  *+ Nêu vai trò của chữ quốc ngữ.*  - HS vận dụng kiến thức đã học và trả lời câu hỏi.  - GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).  - GV mời đại diện 1 – 2 HS trình bày kết quả.  - Các HS khác lắng nghe, đặt câu hỏi (nếu có).  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  - GV chuyển sang nhiệm vụ mới. | **I. Tìm hiểu tri thức Ngữ văn**  **1. Đặc điểm của chữ quốc ngữ**  - Chữ quốc ngữ là hệ thống chữ viết ghi âm, dùng các con chữ trong chữ viết La-tinh để ghi tiếng Việt.  - Giữa chữ và âm, giữa cách viết và cách đọc có sự tương ứng. Chỉ cần học thuộc bảng chữ cái và nắm được cách ghép vần là có thể đọc được tất cả các chữ (tiếng) trong tiếng Việt.  **2. Quá trình phát triển**  - Chữ quốc ngữ được hình thành từ đầu thế kỉ XVII, trong quá trình các tu sĩ Dòng Tên truyền đạo Công giáo tại Việt Nam. Trong đó, những người có công lớn nhất là giáo sĩ Phran-xít-xcô đờ Pi-na (Francisco de Pina) và giáo sĩ A-lếch-xăng đờ Rốt (Alexandre de Rhodes).  - Nhiều trí thức người Việt đã có đóng góp quan trọng trong việc truyền bá, phổ biến chữ quốc ngữ thời kì đầu như: Trương Vĩnh Ký, Huỳnh Tịnh Của,... Sau khi ra đời, chữ quốc ngữ được chỉnh lí, thay thế dần chữ Hán và chữ Nôm; từ năm 1945, có vị thế văn tự chính thức của quốc gia.  - Hiện nay, chữ quốc ngữ đã đạt tới sự ổn định về hình thức và được coi là hoàn thiện. Tuy còn tồn tại một số trường hợp không có mối quan hệ một đối một giữa âm và chữ.  => Ví dụ: âm /k/ được viết bằng 3 con chữ là chữ k, chữ q và chữ c.  - Trong nhiều thập kỉ qua, đã có một số nỗ lực cải tiến chữ quốc ngữ với mong muốn làm cho chữ quốc ngữ chặt chẽ hơn, tiện dụng hơn nhưng chưa mang lại kết quả.  **c. Vai trò**  - Việc học tiếng Việt dễ dàng hơn chữ Nôm, góp phần phát triển đời sống văn hoá, kinh tế, xã hội,... của đất nước.  - Ví dụ: tình hình báo chí và văn học viết bằng chữ quốc ngữ cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX; công cuộc xoá nạn mù chữ sau năm 1945,... |

**HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP**

**1. Mục tiêu:** HS củng cố, mở rộng kiến thức đã học về chữ quốc ngữ.

**2. Tổ chức thực hiện**

***Nhiệm vụ 1: Trả lời câu hỏi trắc nghiệm***

- GV phát Phiếu bài tập cho HS thực hiện nhanh tại lớp.

|  |
| --- |
| **Lớp:…………………………………..**  **Họ và tên:……………………………..**  **PHIẾU BÀI TẬP**  **THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: CHỮ QUỐC NGỮ**  *Khoanh tròn vào đáp án đặt trước câu trả lời đúng:*  **Câu 1**: Chữ Quốc ngữ có ưu điểm gì so với chữ Hán và chữ Nôm?  A. Sự tiện lợi, khoa học và dễ phổ biến.  B. Sự phong phú, hiện đại và dễ phát âm.  C. Sự bác học, sâu sắc trong từng nét chữ.  D. Sự linh hoạt về âm tiết và cách phát âm.  **Câu 2:** Vào khoảng thời gian nào, chữ quốc ngữ chính thức trở thành chữ viết của dân tộc Việt Nam?  A. Thế kỉ XVIII.  B. Thế kỉ XIX.  C. Thế kỉ XX.  D. Thế kỉ XVII.  **Câu 3:** Tác phẩm văn học đầu tiên viết bằng chữ quốc ngữ là gì?  A. Truyện thầy Lazaro Phiền.  B. Tuyên ngôn độc lập.  C. Bản án chế độ thực dân Pháp.  D. Đại Nam quốc âm tự vị.  **Câu 4:** Đâu là cuốn sách lịch sử đầu tiên viết bằng chữ quốc ngữ?  A. Việt Nam sử kí toàn tư.  B. Đại Nam quốc âm tự vị.  C. Việt Nam sử lược.  D. Phan Yên ngoại sử tiết phụ gian truân.  **Câu 5**: Đâu là phong trào thơ ca nổi bật nhật trong thế kỉ XX, đánh dấu sự đổi mới về văn học Việt Nam nói chung?  A. Thơ Mới.  B. Thơ tự do.  C. Thơ kháng chiến.  D. Thơ Điên. |

- HS tiếp nhận nhiệm vụ học tập.

- GV quan sát, hỗ trợ HS thực hiện (nếu cần thiết).

- GV mời đại diện 2 – 3 HS đọc đáp án trước lớp theo Phiếu bài tập.

- GV mời một số HS khác đọc đáp án khác (nếu có).

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn đáp án:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. A | 2. C | 3. A | 4. C | 5. A |

- GV chuyển sang nhiệm vụ mới.

***Nhiệm vụ 2: Thực hành tiếng Việt***

- GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm 4 – 6 HS thực hiện yêu cầu: *Hoàn thành bài tập 1, 2, 3 (SGK trang 74 – 75).*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ học tập.

- GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

- GV mời đại diện 2 – 3 HS trình bày trước lớp.

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).

- GV nhận xét, đánh giá và chốt kiến thức.

- GV có thể gợi mở:

***Bài tập 1:***

*a. Một số điểm mốc quan trọng trong quá trình hình thành và phát triển chữ quốc ngữ:*

*- Thế kỉ XVII: chữ quốc ngữ được hình thành trong quá trình các tu sĩ Dòng Tên truyền đạo Công giáo ở Việt Nam. Năm 1651, hai công trình “Từ điển Việt – Bố - La” và “Phép giảng tám ngày” của A-lếch-xăng đờ Rốt được in tại Rô-ma (Roma) – những cuốn sách đầu tiên được in bằng chữ quốc ngữ còn lưu giữ đến ngày nay đánh dấu điểm mốc quan trọng trong lịch sử của hệ thống chữ viết này.*

*- Từ cuối thế kỉ XVIII: chữ quốc ngữ được chỉnh lí, giúp cho chữ viết này có hình thức gần giống ngày nay.*

*- Năm 1878, Thống đốc Nam Kỳ người Pháp kí Nghị định quy định sau bốn năm (tức năm 1882) thì các VB hành chính lưu hành ở các địa phương thuộc Nam Kỳ đều phải dùng chữ quốc ngữ.*

*- Năm 1918, vua Khải Định ra đạo dụ chính thức bãi bỏ khoa cử và năm 1919 là năm cuối mở khoa thi bằng chữ Hán ở Huế. Từ đó, chữ quốc ngữ trở thành văn tự sử dụng phổ biến trên cả nước Việt Nam, từng bước thay thế chữ Hán và chữ Nôm để trở thành văn tự chính thức của quốc gia.*

*- Một số hoạt động của trí thức Việt Nam góp phần thúc đẩy sự phát triển của chữ quốc ngữ: Năm 1865, Trương Vĩnh Ký ra tờ Gia Định báo do ông làm chủ bút, là tờ báo đầu tiên viết bằng chữ quốc ngữ. Năm 1907, hoạt động của phong trào Đông Kinh nghĩa thục nhằm thực hiện cải cách xã hội Việt Nam trong bối cảnh nước ta vẫn còn bị thực dân Pháp cai trị cũng có ảnh hưởng đến việc khai mở dân trí và khuyến khích dân chúng dùng chữ quốc ngữ.*

*- Năm 1945, Cách mạng tháng Tám thành công, tiếng Việt trở thành ngôn ngữ chính thức được sử dụng trong mọi lĩnh vực đời sống, trong đó có giáo dục, hành chính. Theo đó, chữ quốc ngữ cũng có vị thế là hệ thống chữ viết chính thức của quốc gia.*

*b. Điểm giống và khác nhau cơ bản nhất giữa chữ quốc ngữ và chữ Nôm:*

*- Giống nhau: cùng là văn tự dùng để ghi âm tiếng Việt.*

*- Khác nhau:*

*+ Chữ Nôm dựa theo kí hiệu văn tự Hán, chữ viết không thể hiện cách phát âm, muốn đọc được chữ Nôm phải biết chữ Hán.*

*+ Chữ quốc ngữ dùng chữ cái La-tinh để ghi âm tiếng Việt, chữ viết và cách đọc có sự tương ứng; chỉ cần thuộc bảng chữ cái và nguyên tắc ghép vần là có thể đọc được.*

***Bài tập 2:***

*Một số hệ quả tích cực và tiêu cực đối với đời sống văn hoá, xã hội của nước ta khi chuyển đổi từ chữ Nôm sang chữ quốc ngữ để ghi âm tiếng Việt:*

*- Tác động tích cực: Chữ quốc ngữ có ưu thế lớn nhờ sử dụng kí tự La-tinh, có sự tương thích giữa chữ viết với cách đọc nên học đọc và viết chữ quốc ngữ nhanh và dễ dàng hơn so với chữ Nôm. Vì vậy, chữ quốc ngữ tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển ở mọi lĩnh vực văn hoá, kinh tế, xã hội của đất nước.*

*- Tác động tiêu cực: Chữ Nôm là văn tự được các tác giả thời trung đại sử dụng để sáng tạo nên nhiều tác phẩm xuất sắc, xây dựng những thể loại văn học đặc sắc của dân tộc; có giá trị bảo tồn nhiều chứng tích của tiếng Việt cổ xưa. Vì vậy, việc chữ quốc ngữ thay thế hoàn toàn chữ Nôm cũng tạo ra “khoảng cách” giữa các thế hệ sau với di sản văn hoá của cha ông.*

***Bài tập 3:*** *Âm /y/ được ghi bằng chữ g hoặc gh; âm /ŋ/ được ghi bằng chữ ng hoặc ngh; âm /z/ được ghi bằng chữ d hoặc gi....*

**HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**

**1. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức để hoàn thành bài tập vận dụng.

**2. Tổ chức thực hiện:** - GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ: *Trao đổi về những lỗi chính tả thường gặp và thử xác định lí do của việc mắc những lỗi đó.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ học tập.

- GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

- GV mời đại diện 2 – 3 HS trình bày trước lớp.

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).

- GV nhận xét, đánh giá và chốt kiến thức.

- GV có thể gợi mở:

*- Hiện tượng một âm được ghi bằng 2 con chữ dẫn đến việc nhầm lẫn như dây (dây chuyền, dây leo, dây dưa,...) với giây (giây phút, giây lát,...); dành (dành dụm, dành cho,...) với giành (tranh giành, giành giật,...);...).*

*=> Do đặc điểm phát âm của một phương ngữ (ví dụ người nói giọng Trung và giọng Nam thường không có nhiều khác biệt khi phát âm thanh hỏi và thanh ngã nên có thể viết sai các chữ có dấu thanh tương ứng như viết “dễ dàng” thành “dể dàng”, “nhẫn nhịn” thành “nhẩn nhịn”,...). Ngoài ra, có thể có những lỗi chính tả do bất cẩn, cẩu thả,... Mỗi loại lỗi chính tả như vậy cần có cách khắc phục riêng.*

- GV kết thúc bài học.

**HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ:**

- Ôn tập kiến thức đã học về *chữ quốc ngữ.*

*-* Hoàn thành bài tập Luyện tập, Vận dụng (nếu chưa xong).

- Chuẩn bị văn bản 3: *Tự tình (bài 2).*

**Tuần 8: Tiết 32 *Ngày soạn: 3/11/2024***

**VĂN BẢN 3: TỰ TÌNH (Bài 2)**

**HỒ XUÂN HƯƠNG**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Cảm nhận được tâm trạng vừa buồn tủi, vừa phẫn uất trước tình cảnh éo le và khát vọng sống, khát vọng hạnh phúc của Hồ Xuân Hương.

- Thấy được tài năng thơ Nôm Hồ Xuân Hương.

**2. Năng lực**

- Đọc hiểu thơ trữ tình theo đặc trưng thể loại.

- Phân tích bình giảng bài thơ.

- Rèn kĩ năng đọc diễn cảm và phân tích tâm trạng nhân vật trữ tình.

**3. Phẩm chất:**

- Trân trọng, cảm thông với thân phận và khát vọng của người phụ nữ trong xã hội xưa.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên**

- SGK, SGV Ngữ văn 9 bộ KNTT với cuộc sống, Giáo án.

**2. Học sinh**

- Chủ động tìm hiểu bài học theo định hướng câu hỏi sgk và định hướng của gv.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Hoạt động 1. Khởi động**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**- GV:** Em hãy kể tên 03 văn bản mà em biết có viết về hình ảnh người phụ nữ? Nêu cảm nhận của em về hình ảnh của họ.

**- HS**: Tiếp nhận nhiệm vụ

**B2: Trao đổi, thực hiện nhiệm vụ**

- HS suy nghĩ, làm việc cá nhân

- GV hướng dẫn, gợi ý (nếu cần)

**B3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- HS báo cáo kết quả cá nhân

- GV: (gợi ý kết quả: *Truyện Kiều*, Bài ca dao *Thân em*…, *Chinh phụ ngâm,…* Họ đều là những người phụ nữ đẹp về ngoại hình và phẩm chất nhưng số phận bất hạnh.)

**B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- Gv nhận xét câu trả lời của HS và dẫn vào bài mới: Trong XHPK những người phụ nữ …. ta cùng tìm hiểu bài “Tự tình” (Bài 2) của tác giả Hồ Xuân Hương.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Hoạt động 2:** **Hình thành kiến thức**  **Nhiệm vụ 1: Hướng dẫn đọc, tìm hiểu chú thích**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc văn bản  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước2: HS thực hiện nhiệm vụ**   * - GV hướng dẫn HS đọc đúng, thể hiện được giọng điệu vừa xót xa, thiết tha vừa gai góc, thách thức (hai câu cuối).   - HS đọc văn bản  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - GV mời 1 – 2 HS đọc văn bản  **Bước 4: Đánh giá kết quả**  - GV nhận xét phần đọc của HS, kết nối giải thích từ khó  *- Bom:*  *- Cốc*  *- Om*  *- Mõm mòm*  **Nhiệm vụ 2: Tác giả, tác phẩm**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK, nêu hiểu biết về tác giả, tác phẩm theo PHT số 1  - Thời gian làm việc là 3 phút  PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1   |  |  | | --- | --- | | **Tác giả**  **(Hồ Xuân Hương)** | **Tác phẩm**  **(*Tự tình* (Bài 2))** | | - Tiểu sử: | - Xuất xứ: | | - Các tác phẩm tiêu biểu: | - Thể thơ:  - Bố cục: | | - Phong cách sáng tác: | - Đề tài:  - Chủ đề: | | => Nhận xét: | => Nhận xét: |   - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc thông tin và trình bày.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - GV mời 1 – 2 HS phát biểu, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  - Thời gian báo cáo là 1 phút. 2 phút trao đổi.  **Bước 4: Đánh giá kết quả**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  - Gợi ý cách chia khác:  + 6 câu thơ đầu: tâm trạng đau xót, phẫn uất cho tình cảnh trái ngang, duyên phận lỡ làng.  + 2 câu thơ cuối: niềm khát khao hạnh phúc, ý thức vươn lên, không khuất phục số phận. | | **I. Đọc văn bản**  **1. Hướng dẫn đọc**  **2. Tìm hiểu chú thích**  **3. Tác giả, tác phẩm**  **a. Tác giả**  - Hồ Xuân Hương là thiên tài kì nữ nhưng cuộc đời gặp nhiều bất hạnh.  - Thơ Hồ Xuân hương là thơ của phụ nữ viết về phụ nữ, trào phúng mà trữ tình, đậm chất dân gian từ đề tài,cảm hứng ngôn từ và hình tượng.  - Sáng tác cả chữ Hán và chữ Nôm nhưng thành công ở chữ Nôm.  → được mệnh danh là “bà chúa thơ Nôm”.  **b. Tác phẩm**  - Bài thơ “Tự tình” nằm trong chùm thơ tự tình gồm 3 bài của Hồ Xuân Hương.  - Thể thơ: thất ngôn bát cú Đường luật  - Bố cục: 4 phần: Đề, thực, luận, kết  - Đề tài: Người phụ nữ   * Chủ đề: số phận người phụ nữ. |
| **Hoạt động 3: Khám phá văn bản**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chia lớp thành các nhóm.  + Đánh số bàn theo thứ tự 1,2,3,4 từ trên xuống, theo các dãy bàn. Bàn số 1,2,3,4 lần lượt thực hiện theo bố cục văn bản đề, thực luận, kết. Thời gian làm việc của nhóm bàn là 5 phút.  + Sau khi hết 5 phút, 4 bàn theo thứ tự 1,2,3,4 của mỗi dãy gộp lại thành nhóm lớn lần lượt trao đổi về kết quả của nhóm mình để hoàn thiện cả bài thơ. Trao đổi nhóm lớn là 5 phút.  - HS thực hiện  **Phiếu học tập số 2**   |  |  | | --- | --- | | **1. Hai câu đề** | **- Thời gian:**  **- Âm thanh:**  **- Tâm trạng:**  **- Hành động:** | | **- Nghệ thuật:** | | **Nhận xét:** | | | **2. Hai câu thực** | **- BPTT:** | | **Nhận xét:** | | | **3. Hai câu luận** | **- Tâm trạng:**  **- Căn nguyên:**  **- Từ láy** | | **Nhận xét:** | | | **4. Hai câu kết** | **- Đối tượng hướng tới:**  **-** “***Thân này đâu đã chịu già tom”:*** | | **Nhận xét:** | |   **Câu hỏi đi kèm PHT**  **1. Hai câu đề**  - Tìm những từ chỉ thời gian, âm thanh và tâm trạng, hành động của nhân vật trữ tình trong 2 câu thơ đầu?  - Xác định nghệ thuật được sử dụng trong 2 câu đề?  - Qua đó em có nhận xét gì về tâm trạng, hoàn cảnh của nvtt?  **2. Hai câu thực**  - Chỉ ra bptt được sử dụng trong 2 câu thực và nêu tác dụng của bptt đó?  **3. Hai câu luận**  - Xác định từ ngữ chỉ tâm trạng của NVTT.  - Nguyên nhân vì sao lại có tâm trạng đó?  - Chỉ ra từ láy có trong 2 câu thơ.  - Nhận xét tâm trạng của NVTT.  **4. Hai câu kết**  - Đối tượng mà nvtt hướng tới là ai?  - Cảm nhận của em về câu thơ cuối bài.  - Nhận xét về con người, tính cách của nvtt qua 2 câu kết.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu. Gv hỗ trợ nếu cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - Lần lượt các nhóm báo cáo kết quả (mỗi nhóm có 1 phút báo cáo và 2 phút trao đổi)  - Các hs khác lắng nghe, góp ý.  **Bước 4: Đánh giá kết quả**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức sau từng phần.  **\* Tổng kết.**  Rút ra nội dung ý nghĩa của bài thơ của bài thơ.  Nêu đặc sắc nghệ thuật của bài thơ?  (Hs trả lời gv nhận xét chốt ý) | **II. Khám phá văn bản**  **1. Hai câu đề**  ***“Tiếng gà văng vẳng gáy trên bom,***  ***Oán hận trông ra khắp mọi chòm”***  - Thời gian: rạng sáng  - Âm thanh: tiếng gà gáy *văng vẳng*  -> Không gian yên tĩnh, vắng vẻ, cô đơn  - Tâm trạng: oán hận  - Hành động: trông ra  -> Chất chứa nỗi niềm suy tư  **-> Nghệ thuật lấy động tả tĩnh góp phần gợi không gian vắng vẻ, trống trải, tĩnh lặng với bước đi dồn dập của thời gian → Tâm trạng đau xót, u uất, oán hận bao trùm lên khắp cảnh vật.**  **2. Hai câu thực**  ***“****Mõ thảm không khua mà cũng cốc*  *Chuông sầu không đánh cớ sao om? ”*  - Nhân hoá: *Mõ thảm; chuông sầu*  - Câu hỏi tu từ: cớ sao…  **🡪 những âm thanh cũng chất chứa tâm sự, cảm xúc ai oán, thê lương. Âm thanh vang vọng từ không gian bên ngoài cũng chính là tiếng lòng tê tái, não nề của con người.**  **3. Hai câu luận**  ***Trước nghe những tiếng thêm rầu rĩ***  ***Sau giận vì duyên để mõm mòm***  - Tâm trạng: rầu rĩ, căm giận  - Căn nguyên: vì duyên để mõm mòm  - Từ láy: ***rầu rĩ, mõm mòm***  **🡪 Tâm trạng oán hận vì số phận hẩm hiu, duyên tình lỡ làng, tuổi trẻ phai tàn.**  ***🡪 Sáu câu thơ đầu khắc họa tâm trạng cô đơn, sầu tủi, căm giận của người phụ nữ khi duyên phận lỡ làng. Qua đó, Hồ Xuân Hương thể hiện sự thấu hiểu, đồng cảm với thân phận của người phụ nữ.***  **4. Hai câu kết**  ***Tài tử văn nhân ai đó tá***  ***Thân này đâu đã chịu già tom.***  ***-*** Nữ sĩ hướng đến “tài tử văn nhân” là hướng đến những gì tốt đẹp của chính tâm hồn nữ sĩ.  - “***Thân này đâu đã chịu già tom” 🡪*** Câu thơ là một nụ cười trẻ trung, tinh nghịch, thách đố lại với định mệnh oan nghiệt.  **-> Hai câu thơ khẳng định bản lĩnh và khao khát mãnh liệt của người phụ nữ**  ***🡪 Qua việc khẳng định bản lĩnh và khát khao hạnh phúc, HXH bộc lộ thái độ trân trọng, ngợi ca bản lĩnh, ý thức về quyền sống và khát vọng hạnh phúc của người phụ nữ trong XHPK xưa.***  **\* Tổng kết**  - Nội dung : Qua bài thơ ta thấy được bản lĩnh HXH được thể hiện qua tâm trạng đầy bi kịch: vừa buồn tủi vừa phẫn uất trước tình cảnh éo le, vừa cháy bỏng khao khát được hạnh phúc.  - Nghệ thuật : Sử dụng từ ngữ độc đáo, sắc nhọn,tả cảnh sinh động đưa ngôn ngữ đời thường vào thơ. | |

Hoạt động 3. Luyện tập

GV cho HS chơi trò chơi “Phản ứng nhanh” bằng cách trả lời các câu hỏi sau:

**1.** Phương án nào dưới đây nêu đúng thể loại và chữ viết của bài thơ *Tự tình*?

A. Thất ngôn xen lục ngôn, chữ Nôm

**B. Thất ngôn bát cú Đường luật, chữ Nôm**

C. Thất ngôn bát cú Đường luật, chữ Hán

D. Thất ngôn bát cú Đường luật, chữ quốc ngữ

**2.** Duyên phận lỡ làng, tình cảnh trớ trêu của người phụ nữ trong bài thơ được thể hiện qua câu thơ nào?

A. *Oán hận trông ra khắp mọi chòm* B. *Chuông sầu chẳng đánh cớ sao om?*

**C. *Sau giận vì duyên để mõm mòm***

D. *Thân này đâu đã chịu già tom*

**3.** Trạng thái cảm xúc nào của con người KHÔNG được thể hiện trong bài thơ?

A. Đau đớn, xót xa

B. Buồn bã, phẫn uất

C. Khát khao, hi vọng

**D. Bế tắc, tuyệt vọng**

**4.** Biện pháp tu từ nhân hoá được sử dụng trong hai câu thơ “*Mõ thảm không khua mà cũng cốc,/ Chuông sầu chẳng đánh cớ sao om?”*có tác dụng gì?

A. Nhấn mạnh sự tương phản giữa cảnh vật thiên nhiên và nỗi lòng của con người

**B. Tâm trạng hoá thiên nhiên, khiến âm thanh ngoại cảnh trở thành tiếng lòng của con người**

C. Mô phỏng âm thanh tự nhiên, làm nổi bật sự mênh mông, tĩnh lặng của cảnh vật

D. Gợi liên tưởng đến số phận éo le, trắc trở, tình duyên lận đận của người phụ nữ

5. Nhận xét sau về chủ đề bài thơ là đúng hay sai? “*Tự tình* phản ánh số phận bi kịch của người phụ nữ trong xã hội phong kiến, đồng thời thể hiện khát vọng tình yêu, hạnh phúc tha thiết, mãnh liệt”.

**A. Đúng**

B. Sai

**\* Củng cố, hướng dẫn về nhà**

- Học thuộc bài thơ.

- GV yêu cầu HS tìm và giới thiệu ngắn gọn một tác phẩm văn học viết bằng chữ Nôm viết về thân phận người phụ nữ (làm ở nhà).

- Học bài cũ, soạn bài mới

**Tuần 9: Tiết 33,34,35 *Ngày soạn: 3/11/2024***

**VIẾT:**

**VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT**

(TRONG ĐỜI SỐNG CỦA HỌC SINH HIỆN NAY)

**I.Mục tiêu**

**1.Kiến thức**:

- Giới thiệu được vấn đề cần nghị luận (một vấn đề cần giải quyết trong đời sống HS hiện nay)

- Trình bày được ý kiến cần bàn luận về vấn đề vói hệ thống luận điểm chặt chẽ,lí lẽ thuyết phục,bằng chứng tiêu biểu và xác thực.

- Nêu ý kiến trái chiều và phản bác bằng lí lẽ sắc bén

- Đề xuất được giải pháp khả thi để giải quyết vấn đề.

**2. Năng lực:**

**-** HS hiểu được cách thức tạo lập VB nghị luận XH

- Triển khai được hệ thống luận điểm chặt chẽ, sử dụng lí lẽ thuyết phục,bằng chứng tiêu biểu và xác thực từ đời sống để làm sáng tỏ ý kiến

**3. Phẩm chất**:

- Quan tâm đến những vấn đề thiết thực đối với đời sống của mình và những người xung quanh.

- Tự giác, tích cực trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Kế hoạch bài dạy;

- Phiếu bài tập

- Các phương tiện kỹ thuật;

**2. Chuẩn bị của HS:**

Thực hiện các nhiệm vụ theo yêu cầu của GV.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

* GV cho HS quan sát một số hình ảnh hoặc xem một video clip minh hoạ về những vấn đề mà HS thường gặp (ví dụ: xung đột giữa con cái và cha mẹ, bạo lực học đường, nghiện trò chơi điện tử, thiếu tập trung trong giờ học, thiếu kĩ năng sống,...).
* GV hỏi: Trong số các vấn đề đã được chia sẻ, những vấn đề nào liên quan trực tiếp đến lứa tuổi học sinh?
* **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**
* HS chia sẻ và trả lời câu hỏi.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

* GV gọi một số đại diện trình bày.

–Vấn đề thời sự HS quan tâm.

-Vấn đề thời sự liên quan đến đời sống của lứa tuổi học sinh.

* Các HS khác lắng nghe, bổ sung ý kiến.

**Bước 4: Kết luận, chuyển bài mới:**

GV nhận xét,dẫn dắt vào nội dung tiết học.

**2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

2.1**: Phân tích bài viết tham khảo**

**a. Mục tiêu:**

- HS nhận biết được các yêu cầu của kiểu bài NLvề một vấn đề cânf giải quyết

trong đời sống HS. Có ý thức triển khai đúng khi thực hành

* HS nhận biết được chủ đề của bài viết tham khảo, xác định được các luận điểm triển khai trong bài viết, tóm lược được các ND luận điểm
* Rút ra được dàn ý chung của kiểu bài

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV&HS** | **YÊU CẦU CẦN ĐAT** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS dựa trên PHT đã giao  B **Bước 2:** **Thực hiện nhiệm vụ**  HS chia sẻ kết quả PHT với bạn  Thống nhất các yêu cầu  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**   * GV gọi một số đại diện trình bày. * GV nêu ta một số câu hỏi để kiểm tra nhận thức của HS   **Bước 4:**  **GV Kết luận, chốt vấn đề**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc bài viết tham khảo ở nhà và thực hiện PHT số 1  - GV cho HS hoạt động theo nhóm.  với các yêu cầu cơ bản  + Bài viết này có bố cục mấy phần? Nêu nội dung từng phần?.  **Bước2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài tham khảo và thực hiện các yêu cầu, hoàn thành PHT  - GV quan sát, hỗ trợ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày.  - HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  **-** GV nhận xét thái độ làm việc của HS.  - Chuẩn kiến thức, đặt câu hỏi chốt kiến thức | **I. TÌM HIỂU YÊU CẦU CỦA KIỂU BÀI VĂN NL VỀ MỘT VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT (TRONG ĐỜI SỐNG HỌC SINH HIỆN NAY)**  – Giới thiệu được vấn đề nghị luận (một vấn đề cần giải quyết trong đời sống của học sinh  hiện nay).   * Trình bày được ý kiến bàn luận về vấn đề với hệ thống luận điểm chặt chẽ, lí lẽ thuyết phục, bằng chứng tiêu biểu và xác thực. * Nêu được ý kiến trái chiều và phản bác bằng lí lẽ sắc bén. * Đề xuất được giải pháp khả thi để giải quyết vấn đề.   **II. PHÂN TÍCH BÀI VIẾT THAM KHẢO**  Văn bản: Trưởng thành qua nỗi buồn   * Nội dung của bài viết tham khảo:   Cách đối diện với nỗi buồn và cách vượt qua nỗi buồn để trưởng thành  - Bố cục của bài văn tham khảo  \*Mở bài: Đoạn 1.*Từ dầu đến Đó là những câu hỏi mà chúng ta cần tự trả lời* .=> Giới thiệu vấn đề nghị luận  **\* Thân bài**  *- Tiếp đến không bao giờ lấn át hoặc hạ gục được chúng ta =>* **Bàn luận vấn đề**  **- Luận điểm 1:** Nổi buồn thực sự tồn tại trong cuộc sống là một phần trong đời mà ngườita phải chấp nhận và tin rằng nó sẽ tan đi .  **- Luận điểm 2:** Cách trưởng thành qua nỗi buồn  + Bỏ đói nỗi buồn bằng cách nuôi dưỡng những niềm vui nho nhỏ và hoàn thành công việc mỗi ngày.  + Tìm kiếm sự giúp đỡ khi cần thiết  +Yêu thương,sự tự tin và tự hào về bản thân  \***Kết bài:** Rút ra ý nghĩa của việc bàn luận về vấn đề |

|  |  |
| --- | --- |
| **2: Khái quát dàn ý chung:**  Sau khi phân tích bài viết tham khảo, giáo viên hướng dẫn học sinh khái quát dàn ý chung cho dạng bài.  (HS bám theo gợi ý chung về cách viết trong sgk và bài viết tham khảo, làm việc cá nhân theo câu hỏi gợi dẫn của giáo viên) | **2. Dàn ý chung**  **\* Mở bài:** Giới thiệu vấn đề và nêu sự cần thiết bàn luận về vấn đề  **\* Thân bài:**  Lần lượt triển khai các luận điểm thể hiệ quan điểm của người viết xét trên từng khía cạnh của vấn đề  + Luận điểm 1( khía cạnh thứ nhất) Nêu lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ  + Luận điểm 2( khía cạnh thứ nhất) Nêu lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ  + Luận điểm 3( khía cạnh thứ nhất) Nêu lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ  **.** Nêu các ý kiến trái chiều và phản bác ý kiến đó  **.** Đề xuất giải pháp khả thi để giải quyết vấn đề  **\* Kết bài:** Khẳng định tầm quan trọng của việc nhận thức và giải quyết có hiệu quả vấn đề. |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập: Thực hành viết theo các bước**

**a. Mục tiêu**:

-HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao:

- Học sinh biết cách lựa chọn đề tài bàn luận

- HS xác định được những ý kiến cần triển khai để làm sáng tỏ đề tài đã chọn . - -- Biết cách sắp xếp ý thành dàn ý, biết cachs tổ chức hệ thống luận điểm để đạt hiệu quả tốt nhất cho bài văn nghị luận.

- HS phát huy được năng lực ngôn ngữ

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOAT ĐỘNG GV&HS** | **YÊU CẦU CẦN ĐẠT** |
| **-Bước1: Giao nhiệm vụ**  GV cho HS chọn đề tài phù hợp với gợi ý SGK:  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS lần lượt thực hiện các yêu cầu và các bước GV hướng dẫn.   * Thực hiện PHT số 2   **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm.  - HS khác nhận xét về dàn ý của bạn.  - HS tự sửa bài viết để hoàn chỉnh theo yêu cầu.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  **-** GV nhận xét, đánh giá và chốt dàn ý  **Bước 1:** **Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu HS dựa vào dàn ý để viết thành bài hoàn chỉnh.  GV lưu ý HS cách viết:  **Bước 2**: **HS thực hiện nhiệm vụ:**  + HS viết bài theo dàn ý đã lập.  + GV quan sát  **Bước 3:** **Báo cáo và thảo luận:**  + HS trình bày sản phẩm.  + GV gọi HS khác nhận xét về bài viết của bạn.  **Bước 4:** **Đánh giá, kết luận:**  GV nhận xét, đánh giá, bổ sung khen ngợi những bài viết sáng tạo, chân thành, có cảm xúc...đảm bảo yêu cầu. Khích lệ HS chưa đạt được yêu cầu nỗ lực hơn.  **Bước 1:** Chuyển giao nhiệm vụ:   * GV yêu cầu HS đọc lại bài văn đã viết. * Kiểm tra và chỉnh sửa theo Phiếu chỉnh sửa bài viết   **Bước 2:** **HS thực hiện nhiệm vụ:**  HS xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.  **Bước 3**: **Báo cáo và thảo luận:**  - HS báo cáo rút kinh nghiệm sau khi đã kiểm tra lại bài.  - HS khác nhận xét, góp ý cho bạn.  **Bước 4:** **Nhận xét , đánh giá**   * GV nhận xét mức độ đáp ứng yêu cầu của các bài viết của HS * Chọn một số bài viết kha sđể HS rút ra được kinh nghiệm | **Các bước viết bài:**  - Lựa chọn tác phẩm phân tích  - Tìm ý và lập dàn ý.  - Viết bài văn.  - Chỉnh sửa bài văn.  **a. Lựa chọn đối tượng**  - Tình bạn khác giới ở lứa tuổi học trò  - Cách giải quyết mâu thuẩn xung đột  - Cách sử dụng thời gian rảnh rỗi  - Cách giải quyết khi bị tổn thương sai lệch hay bình luận tiêu cực trên mạng xã hội  - Cách giải quyết mâu thuẫn, xung đột giữa cha mẹ và con cái trong gia đình.  **b. Tìm ý và lập dàn ý**  ***\*Tìm ý***  - Vấn đề cần giải quyết là gì?  - Ý kiến của em về vấn đề như thế nào?  - Có thể xuất hiện những ý kiến nào trái ngược với quan điểm của người viết? Cần dùng lí lẽ và bằng chứng nào để phản bác  - Cần có những giải pháp nào để giải quyết vấn đề  Sắp xếp các ý theo trình tự cảm xúc thành một dàn ý gồm 3 phần:  **c. Lập dàn ý**  \* Mở bài: Giới thiệu và nêu quan điểm về vấn đề giải quyết mâu thuẫn, xung đột giữa cha mẹ và con cái trong gia đình.  \*Thân bài:  - Những mâu thuẫn, xung đột thường gặp giữa cha mẹ và con cái;  - Cách giải quyết những mâu thuẫn, xung đột đó; -  - Một số ý kiến trái chiều cần phản bác.  \* Kết bài: Tầm quan trọng của việc nhận thức đúng về mâu thuẫn, xung đột giữa cha mẹ và con cái; ý nghĩa của việc giải quyết vấn đề.*.*  **c. Bước 3: Viết**  Dựa vào dàn ý đã xây dựng để luyện tập kĩ năng viết.   * Chú ý:   + Bài viết đủ 3 phần  + Tạo sự gần gũi giữa người viết và người đọc ,coi vấn đề đặt ra trong bài viết là vấn đề chung mà cả người viết và người đọc đều cần phải quan tâm giải quyết  + Hệ thống luận điểm chặt chẽ lí lẽ cần sáng rõ hợp lý, bằng chứng cần đầy đủ đa dạng ( có sự kết hợp giữa trải nghiệm bản thân và sự thật mà người đọc có thể kiểm chứng, số liệu thống kê và ý kiến chuyên gia, kết quả nghiên cứu KH  + Khi phản bác những ý kiến trái chiều cần sử dụng lí lẽ và giọng điệu đúng mực  **4. Bước 4: Kiểm tra, chỉnh sửa, hoàn thiện**  - Đọc kĩ bài viết của mình và đối chiếu với các yêu cầu đã nêu ở các bước để kiểm tra và chỉnh sửa theo Phiếu chỉnh sửa bài viết  - HS có thể trao đổi bài để trong bàn chấm và chữa cho nhau.  **\*Phiếu chỉnh sửa và hoàn thiện bài viết Nghị luận về một vấn đề cần giải quyết (trongđời sống của HS hiện nay )**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Tiêu chí** | | **Đạt** | **Chưa đạt** | | **MB** | Giới thiệu vấn đề và nêu quan điểm về sự cần thiết về vấn đề cần giải quyết |  |  | | **TB** | Triển khai các luận điểm |  |  | | Luận điểm 1: Sử dụng các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục |  |  | | Luận điểm 2: Sử dụng các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục |  |  | | Luận điểm 3: Sử dụng các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục |  |  | | Sử dụng các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục |  |  | | **KB** | Khẳng định tầm quan trọng của việc nhận thức vấn đề |  |  | | **Diễn đạt** | Đảm bảo đúng chính tả, ngữ pháp, không mắc lỗi diễn đạt |  |  | |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

*- GV yêu cầu HS: Chọn đề tài : Tình bạn khác giới ở lứa tuổi học trò*

+ HS thực hiện các bước và hoàn thành bài viết hoàn chỉnh

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

*- HS làm ở nhà*

**Bước 3: Báo cáo và thảo luận**

- HS nộp SP lên trang Patdel

- GV chấm chữa cho HS

**Bước 4: Đánh giá, nhận định**

**\*PHỤ LỤC:**

**PHT SỐ 1: PHÂN TÍCH BÀI VIẾT THAM KHẢO**

|  |  |
| --- | --- |
|  | **: PHÂN TÍCH BÀI VIẾT THAM KHẢO** |
| **MB** |  |
| **TB** | Luận điểm 1: |
| Luận điểm 2 |
| Luận điểm 3: |
| **KB** |  |

**PHT SỐ 2: TÌM Ý, LẬP DÀN Ý**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Đề tài** | **Các ý triển khai** |  | **Dàn ý** |
|  |  | **Mở bài** |  |
|  | **Thân bài** |  |
|  |  |
|  |  |
|  | **Kết bài** |  |

**BẢNG KIỂM**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| **MB** | Giới thiệu vấn đề và nêu quan điểm về sự cần thiết về vấn đề cần giải quyết |  |  |
| **TB** | Triển khai các luận điểm |  |  |
| Luận điểm 1: Sử dụng các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục |  |  |
| Luận điểm 2: Sử dụng các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục |  |  |
| Luận điểm 3: Sử dụng các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục |  |  |
| Sử dụng các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục |  |  |
| **KB** | Khẳng định tầm quan trọng của việc nhận thức vấn đề |  |  |
| **Diễn đạt** | Đảm bảo đúng chính tả, ngữ pháp, không mắc lỗi diễn đạt |  |  |

**\*Phiếu chỉnh sửa và hoàn thiện bài viết Nghị luận về một vấn đề cần giải quyết (trongđời sống của HS hiện nay )**

**PHIẾU CHỈNH SỬA VÀ HOÀN THIỆN BÀI VIẾT**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **PHIẾU CHỈNH SỬA VÀ HOÀN THIỆN BÀI VIẾT** | |
| **Phần** | **Chỗ chưa đạt** | **Sửa thành** |
|  |  |  |
|  |  |
|
|  |  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |  |

**\*Dặn dò**

* Học bài cũ
* Chuẩn bị bài nói và nghe: